

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2024/DS-ST
Ngày: 28 – 6 – 2024
V/v: “Tranh chấp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Huệ.

Ông Vũ Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024 về: “Tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Hồng M, sinh năm 1974. (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: 1/ Ông Trần T, sinh năm 1964. (Vắng mặt).

2/ Bà Lê Tố N, sinh năm 1967. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 15/4/2024 nguyên đơn bà Dương Hồng M trình bày: Vào ngày 01/01/2013 âm lịch bà có mở hui 3.000.000 đồng, gồm 38 chân, tháng khai 01 lần, ông T và bà N tham gia 01 chân trong danh sách hui số thứ tự số 09 tên N. Đến kỳ khai hui thứ 04 thì ông T hốt hui. Sau khi hốt hui ông T và bà N đóng hui đến tháng 6/2014 thì ngưng đóng cho đến nay.

Do ông T và bà N vi phạm nghĩa vụ 14 kỳ hui không đóng hui chết tính từ ngày ngưng đóng đến tháng 10/2015. Tại bản án số 02/2016/DS-ST ngày 01/02/2016 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau đã giải quyết buộc ông T và bà N

thanh toán số tiền của 14 kỳ hội là 42.000.000 đồng. Tính đến ngày 01/01/2016 âm lịch thì hội mãn, ông T và bà N còn nợ 03 kỳ hội chết (tháng 11, 12/2015 và tháng 01/2016 âm lịch) x 3.000.000 đồng x 01 chân = 9.000.000 đồng. Nay yêu cầu ông T và bà N thanh toán số tiền hội 9.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông T và bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của bà M.

Tại phiên tòa:

- Bà M trình bày: Vẫn giữ quan điểm khởi kiện.
- Ông T và bà N vắng mặt không có ý kiến trình bày khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Dương Hồng M khởi kiện ông Trần T và bà Lê Tố N về tranh chấp hội nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Trần T và bà Lê Tố N cư trú tại ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ông Trần T và bà Lê Tố N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T và bà N.

[2] Về nội dung: Bà M xác định ông T và bà N tham gia chơi hội do bà làm chủ, loại hội 3.000.000 đồng, mở ngày 01/01/2013 âm lịch, gồm 38 chân, tháng khui 01 lần, ông T và bà N tham gia 01 chân. Sau khi hót hội ông T và bà N đóng hội đến tháng 9/2016 thì ngưng đóng cho đến nay. Tại bản án số 02/2016/DS-ST ngày 01/02/2016 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau giải quyết buộc ông T và bà N thanh toán số tiền của 14 kỳ hội là 42.000.000 đồng. Tính đến ngày 01/01/2016 hội mãn, nay yêu cầu ông T và bà N còn nợ 03 kỳ hội chết là 9.000.000 đồng. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông T và bà N đều không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của bà M. Xét thấy, quá trình giao dịch hội bà M đã giao danh sách hội cho hội viên, trong đó có tên bà N. Hiện nay hội đã kết thúc, do chủ hội đã thực hiện nghĩa vụ hoàn trả cho các hội viên với vai trò là người bảo lãnh hội nên hội viên phải hoàn trả cho chủ hội. Từ đó, có cơ sở xác định việc ông T và bà N có tham gia hội do bà M làm chủ và còn nợ số tiền 9.000.000 đồng là thực tế có xảy ra. Từ

những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà M buộc ông T và bà N có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà M số tiền hui còn nợ 9.000.000 đồng.

[3] Trường hợp ông T và bà N chậm thanh toán số tiền nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M được Toà án chấp nhận nên ông T và bà N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 471, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu, phường.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Hồng M. Buộc ông Trần T và bà Lê Tố N liên đới nghĩa vụ thanh toán cho bà Dương Hồng M số tiền hui 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Trần T và bà Lê Tố N phải chịu số tiền 450.000 đồng.
- Bà Dương Hồng M đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003417 ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, bà M được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Như